

# NGUYÊN NHÂN VÀ THẮNG LỢI CỦA CUỘC TẤN CÔNG VÀO ĐẤT TỐNG DO LÝ THƯỜNG KIẾT CHỈ HUY QUA GHI CHÉP CỦA THƯ TỊCH TRUNG QUỐC

NGUYỄN HỮU TÂM\*

Sử liệu của Việt Nam chép về cuộc tấn công của Lý Thường Kiệt vào đất Tống cuối năm 1075 đầu năm 1076 tập trung vào các bộ chính sử như: *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, ngoài ra các sách sử khác như: *Việt điện u linh*, *Thiên Uyển tập anh ngữ lục* và một số văn bia cũng có đề cập đến cuộc tấn công này. Tuy vậy, các sử liệu của Việt Nam cũng chưa phản ánh được đầy đủ về cuộc tấn công vào đất Tống những năm 70 thế kỷ XI do Lý Thường Kiệt chỉ huy. Chúng ta cần tìm thêm tư liệu ghi chép của chính các sách sử Trung Quốc, đặc biệt là những bộ sử đương thời để từ đó có một nhận định khách quan và trung thực đối với nguyên nhân, quá trình diễn biến cuộc tấn công.

Vào năm 1949, Hoàng Xuân Hãn đã viết cuốn sách *Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý* (1). Đây là tác phẩm chuyên khảo, nghiên cứu một cách khoa học, nghiêm túc và hoàn chỉnh nhất về toàn bộ cuộc đời cùng những võ công hiển hách của Lý Thường Kiệt. Tác giả đã tiến hành khảo cứu kỹ càng, phân tích tỉ mỉ nguồn thư tịch Việt Nam, đặc biệt là các

sử liệu Trung Quốc chép về cuộc tấn công cuối năm 1075 đầu năm 1076 vào đất Tống (2).

Thư tịch Trung Quốc đời Tống chép về quan hệ Lý - Tống có *Tống sử*, *Tống sử ký sự bản末*, *Tống hội yếu*, *Tống thư*, *Đông Đò sự lược* và một số sách khác.

Trong những thư tịch đó, bộ *Tục tư trị thông giám trường biên* viết về quan hệ Tống-Lý khá chi tiết, cung cấp cho chúng ta một khối lượng sử liệu phong phú về các cuộc chiến tranh giữa triều Lý và triều Tống, đặc biệt về cuộc tấn công vào đất Tống do Lý Thường Kiệt chỉ huy cuối năm 1075. Chúng tôi xin được giới thiệu khái quát về tác giả cùng nội dung chính của bộ sách.

Tác giả bộ sách là Lý Đào (1115-1184), sống dưới triều Nam Tống, tên tự là Nhân Phủ và Tử Trinh, tước hiệu là Tồn Nham, đỗ Tiến sĩ năm thứ 8 niên hiệu Thiệu Hưng (1138), người ở Đan Lăng, My Châu, tỉnh Tứ Xuyên. Sau khi đỗ Tiến sĩ, con đường hoạn lộ của Lý Đào khá hanh thông hiển đạt, từng giữ các chức Tri châu, Tri huyện, năm thứ 3 niên hiệu Càn Đạo Tống Hiếu tông (1167) được nhà vua triệu vào Kinh,

\* TS. Viện Sử học

sau được thăng chức Bí thư Thiếu giám kiêm Khôi cơ chú xá nhân, Thực lục viện Kiểm thảo. Về sau do cách góp ý không làm vừa lòng Tể tướng, nên phải chuyển ra giữ chức Hồ Bắc chuyển vận phó sứ. Vào những năm thuộc niên hiệu Thuận Hy, ông được thăng Lễ bộ Thị lang, Phụ văn các Học sĩ, Đồng tu Quốc sử. Ông chết lúc 70 tuổi, được ban tên thụy là Văn Giản.

Lý Đào là người đọc rộng các thư tịch, chuyên tâm nghiên cứu lịch sử. Ông còn để lại hơn 20 tác phẩm gồm có: *Tục hoàng công khanh bách quan biểu*, *Tứ hệ lục*, *Lịch đại Tể tướng niên biểu*, *Giang tả phương trấn niên biểu*, *Thiên Hy dĩ lai ngự sử niên biểu*, *Dịch học*, *Xuân Thu học*...

Lý Đào mô phỏng theo thể lệ bộ *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang, ghi chép các sự kiện của 9 đời vua Bắc Tống, tổng cộng là 168 năm, bắt đầu từ năm thứ nhất niên hiệu Kiến Long Tống Thái tổ Triệu Khuông Dận (hoặc Dẫn) (960), cho đến năm thứ 2 niên hiệu Tĩnh Khang Tống Khâm tông Triệu Hoàn (1127), đặt tên là *Tục tư trị thông giám trường biên*. Lý Đào thu thập rộng rãi tư liệu từ chính sử, thực lục, hội yếu... của triều Bắc Tống, cho tới các sách tư gia, dã sử, bia mộ... sau đó tiến hành đối chiếu, đính chính, khảo chứng lưỡng tận, rút ra những tương đồng dị biệt, phần nhiều có sở cứ. Tác giả chủ trương nguyên tắc "Thà không làm mất đi cái phức tạp, còn hơn là để sơ lược". Nếu các tư liệu ghi chép khác nhau, sẽ để nguyên các giả thuyết và chú thêm xuất xứ giống như bộ sách *Thông giám khảo dị*. Khi sưu tầm tư liệu, Lý Đào dùng các hộp gỗ đựng các thẻ, mỗi hộp gồm 20 thẻ ghi chép các sự kiện được đánh số theo phương pháp can chi, đứng đầu là Giáp Tý. Sự kiện trong mỗi năm được phân chia theo tháng, ngày, trước sau sắp xếp trong các hộp gỗ.

Trong vòng 14 năm, từ năm đầu niên hiệu Long Hưng Tống Hiếu Tông (1163) đến năm thứ 4 niên hiệu Thuận Hy Tống Hiếu Tông (1177), tác giả đã 4 lần dâng từng phần sách lên nhà vua đọc duyệt. Năm thứ 10 niên hiệu Thuận Hy (1183), sách được trình biên thành 980 quyển, cộng thêm "Củ yếu" 68 quyển, "Tu hoàn sự Tổng mục" 10 quyển, "Tổng mục" 5 quyển, tổng số lên tới 1063 quyển. Lý Đào đã sưu tầm, biên soạn trong thời gian 40 năm mới hoàn thành bộ sách.

Các học giả chuyên sâu về lịch sử triều Tống của Trung Quốc đánh giá rất cao bộ *Tục tư trị thông giám trường biên* của Lý Đào. Bộ sách ghi chép rất kỹ càng, tư liệu phong phú, là một trong nguồn sử liệu cơ bản để nghiên cứu về lịch sử các triều đại Liêu, Tống, Tây Hạ.

Sách vốn có 980 quyển, nhưng từ lâu đã bị thất truyền, bản hiện nay đang được sử dụng có 520 quyển do triều Thanh khi biên soạn *Tứ khố toàn thư* đã chép từ bộ *Vĩnh Lạc đại điển*. Trong đó, thiếu các phần từ tháng 4, năm thứ 4 niên hiệu Trị Bình Tống Anh tông (1067) đến tháng 3, năm thứ 3 niên hiệu Hy Ninh Tống Thần tông (1070), từ tháng 7, năm thứ 8 niên hiệu Nguyên Hựu Tống Triết Tông (1093) đến tháng 3 năm thứ 4 niên hiệu Thiệu Thánh Tống Triết Tông (1097), từ tháng 2 đến tháng 12 năm thứ 3 niên hiệu Nguyên Phù Tống Triết Tông (1100) cùng với toàn bộ phần ghi chép các sự kiện của hai đời vua Tống Huy Tông (1102-1125) và Tống Khâm Tông (1126-1127) (3).

## 1. Nguyên nhân Lý Thường Kiệt đem quân tấn công vào đất Tống

### 1.1. Phía Tống đã có âm mưu và chuẩn bị lực lượng đánh vào Đại Việt.

Ngay từ năm 1073, Tống Thần Tông và Tể tướng Vương An Thạch đã đặt kế hoạch

và tạo điều kiện cho các quan lại biên giới tìm cách xâm lược vùng biên Tống và Đại Việt. Điều này chính sử Tống đã chép rõ: "Hy Ninh năm thứ 6 (1073), mùa hạ tháng 4, ngày Mậu Dần (mồng 5 Âm lịch), Tân tri Quế Châu là Thẩm Khởi xin từ nay bản lộ có việc biên giới thì theo 4 lộ Thiểm Tây, chỉ trình Kinh lược ty, chuyên trách xử trí và làm tờ khai tâu biết. Vua y theo. Khởi lại sai người ra cầu dương hạt ngoài. Vua nhìn Vương An Thạch bảo rằng: Chỉ huy thế nào đấy? An Thạch xin theo bản công văn y tâu xin, cho Khởi làm Giám ty. Vua bảo rằng được. Bản ký riêng của An Thạch lại chép rằng: Vua sai Khởi bí mật việc kinh chế Giao Chỉ, các ông đều không nên dự nghe. Tất cả các lời tâu xin, vua đều báo và cho phép.

Trần Quán bàn rằng: Lời tâu An Thạch báo cáo với vua: Việc binh không thời nào là không dùng. Thần kháo bảo rằng: Dùng binh sao có thể vô danh. An Thạch tâu: Bộ hạ hẳn muốn dùng binh thì lo gì vô danh, cho nên năm thứ 7 chấp chính mà 4 lần làm việc biên. Thần kháo ngồi yên chấp tay mong thành. Nhưng khi làm được sự thành thì lại quy công ở An Thạch, mà sự không thành thì nhận lỗi ở mình... Việc ở Quảng Tây, Thẩm Khởi cũng nhận chỉ vua ở An Thạch. Đến lúc bại trận Thần kháo che chở sự lỗi Trung thư sinh sự, rồi ủy khúc theo ý An Thạch, tha tội chết cho Khởi. Thế mà cũng chưa từng trách An Thạch. Như thế Thần kháo đối với An Thạch đáng gọi là hậu. Còn An Thạch nên báo đáp vua như thế nào?

Như Thẩm Khởi đối quanh việc Man, đến nỗi để cho Giao Chỉ phạm biên, vây hãm Ung châu, Khâm, Liêm thất thủ. Thế thì người sinh sự là Khởi, ai cũng biết cả, người tạo mưu là An Thạch, mà người không biết hết. Khi việc biên chưa phát ra,

Thần kháo cho chiếu bãi Khởi, nói rằng: Hy hà dùng binh chưa có kỳ nghỉ. Thẩm Khởi lại ở phương Nam tạo nên lời dối quanh, tuy muốn trị tội Khởi cho yên trong ngoài, nhưng An Thạch không chịu phụng chiếu" (4).

Không những ngấm ngấm chỉ đạo các biên thần lập kế hoạch chuẩn bị xâm lược Đại Việt, ngoài ra triều Tống còn trao thêm các chức trách và tập hợp lực lượng, lương thảo tạo điều kiện cho công việc tiến hành thuận lợi.

"Hy Ninh năm thứ 6 (1073), mùa hạ tháng 4, ngày Tân Mão (18 Âm lịch), Vua sai Tân tri Quế châu, Thiên chương các Đãi chế là Thẩm Khởi kiêm Đê cử lương thảo" (5).

"Hy Ninh năm thứ 6 (1073), mùa hạ tháng 4, ngày Nhâm Thìn (19 Âm lịch), Tân tri Quế châu là Thẩm Khởi xin đem động binh ở 51 khe động về Ung Châu xếp thành bảo giáp, sai quan dạy tập. Vua y theo và cấp cho 300 tờ độ đăng điệp" (6).

Cho đến những năm trị vì tiếp theo của Tống Thần tông, những hành động chuẩn bị cho việc xâm lược của Tống đối với triều Lý càng dồn dập và cụ thể hơn, thậm chí dẫn đến việc giết hàng nghìn người ở châu động dọc biên cương, trong tờ chiếu ngày Đinh Sửu (22 Âm lịch, 27-4-1076) có trích dẫn những ghi chép của Tư Mã Quang như sau: "Trong thời Hy Ninh, triều đình sai Thẩm Khởi, Lưu Di nối nhau trị Quế Châu để đồ chiếm Giao Chỉ. Khởi, Di làm chiến thuyền đoàn kết động dinh để làm bảo giáp, cấp cho trận đồ, sai theo thế dạy chiến đấu. Các động rối loạn, người Thổ bắt người Giao Chỉ,... nhiều không thể kể xiết" (7).

Ngày Đinh Dậu (10 Âm lịch, 18-01-1076) khi triều Lý bao vây Ung Châu, triều Tống vội vàng cho rằng: "Lúc đầu Thẩm Khởi kinh lược Quảng Tây nói bậy rằng: có Chỉ mưu đánh Giao Chỉ, lại tự tiện thu nạp

Nùng Thiện Mỹ ở An Tĩnh châu và đặt thành trại ở cương giới Dong (Dung) Nghi châu giết hại hàng nghìn người, người Giao nổi loạn. Có chiếu lấy Lưu Di thay Khởi mong sai đi chiêu tập. Mà Di lại dối bậy là triều đình có mưu đánh lấy, muốn làm ra kiểu kỳ dị lập công, mới sai quan vào khe động điểm tập thổ binh làm bảo ngữ trao cho trận đồ để hàng năm luyện tập. Kế đó, sai chỉ huy nhân đốc chu sự tập hợp ở bờ bể chở muối để giáo tập thủy chiến. Cho nên khi ấy, người Giao mạo dịch cùng châu huyện nhất thiết cấm chỉ. (Năm thứ 7 ngày 3 tháng 3 sai Di đi xem xét việc Khởi, năm thứ 8 tháng 12 Di nghe Chi). Bởi thế, Giao Chỉ càng hai lòng tập hợp binh dinh mưu vào cướp" (8).

Bộ sách *Tống sử kỷ sự bản末*, quyển 15, phần *Giao Châu chi biến* cũng chép về việc này, nhưng ở đây các tác giả đã biện hộ cho việc triều Tống âm mưu xâm lấn biên cương với lý lẽ là "Vào năm Hy Ninh thứ 8 đời Tống Thần Tông (1075), triều đình nghị luận khai thác biên cương. Tri Quế châu là Thẩm Khởi sai quan vào vùng khe động tập hợp thổ dinh làm bảo ngữ, lại tăng cường đặt thành trại tại Dong (Dung) châu, giết hại hơn nghìn người" (9).

Như vậy, chính thư tịch đời Tống cũng đã chỉ rõ nguyên nhân khách quan mà triều Lý phát động cuộc tấn công vào đất Tống, trước hết xuất phát từ âm mưu, hành động chuẩn bị xâm lược Đại Việt của triều Tống. Từ vua đến Tể tướng Vương An Thạch đều nhất trí trong việc dung túng biên thần lộng hành biên cương, âm mưu xâm lấn Đại Việt.

1.2. Trong tờ *Lộ bố* mà Lý Thường Kiệt cho quân lính niêm yết trên đường tấn công đã nêu rõ: *một trong những nguyên nhân phải đưa quân vào đất Tống là nhằm giúp nhân dân triều Tống tránh khỏi sự hà*

*khắc, khổn cùng do thực hiện biện pháp của Tể tướng Vương An Thạch*

Trong tờ chiếu do Vương An Thạch thảo ra sau khi biết tin nội dung tờ *Lộ bố* của Lý Thường Kiệt phản đối biện pháp, có đoạn chép: "Khi ấy Giao Chỉ phá thành ấp nào thì làm tờ kể công yết ở đường sá... Lại nói: Trung Quốc làm phép thanh miếu, trợ dịch, làm cùng khốn sinh dân. Ta nay xuất binh muốn cứu vớt" (10). Sự kiện này cũng được *Tống sử kỷ sự bản末* ghi lại: "Năm Hy Ninh thứ 9 đời Tống Thần Tông (1076), mùa xuân, tháng 2, lấy Quách Quỳ làm An Nam chiêu thảo sứ, khi đó bắt được *Lộ bố* của người Giao. Trong đó viết: Trung Quốc tiến hành phép thanh miếu, trợ dịch, làm cùng khốn sinh dân. Nay (Giao Chỉ) xuất binh muốn cứu vớt dân chúng. Khi đó Tể tướng (Vương An Thạch) phản nộ, lấy Thiên chương các Dãi chế là Triệu Tiết làm Chiêu thảo sứ đem quân đi diệt. Tiết nói: Quỳ là người lão luyện việc biên cương, xin cho làm (Chiêu thảo) chánh sứ, mà Kỳ làm Phó. Cho nên mới có lệnh này" (11).

1.3. Nguyên nhân thứ ba được Lý Thường Kiệt nêu trong *Lộ bố* tuyên cáo với dân chúng triều Tống là vì: *Triều Tống đã dung dưỡng bọn phản bội Đại Việt, vì thế Đại Việt đem quân sang Tống để tiêu diệt bọn phản bội. Đồng thời, Lộ bố còn chỉ rõ triều Tống đã từ chối không trả lời văn thư của triều Lý, và không cho dân chúng cùng các thương nhân triều Lý vào đất Tống thông thương mạo dịch.*

Sách sử đời Tống đã chép văn thư của triều Lý gửi sang nhờ tra xét về việc dám giặc làm loạn biên cương chạy sang nội phủ triều Tống đổi họ tên, hiện đang được biên thần của Tống dung dưỡng, che chở: "Hy Ninh năm thứ 8, mùa xuân, tháng Giêng ngày Kỷ Mùi (26 Âm lịch, 14-2-1075), Giao Chỉ quận vương là Lý Càn Đức dâng biểu

tâu: "Tên thủ lĩnh Ma Thái Dật ở châu Ân Tĩnh vốn là người châu Định Biên của bản đạo, di cư đến châu Ân Tĩnh. Nay đổi tên là Nùng Thiện Mỹ, cùng với gia thuộc hơn 700 người trốn sang nội địa, xin xét hỏi cho" (12).

Vua Tống đã ra chiếu cho các viên quan địa phương tìm hiểu và tâu trình sự thực: Ngày Tân Hợi (23 Âm lịch, 31-01-1076), có chiếu rằng: Nghe Nùng Thiện Mỹ xin quy hàng vì có Thẩm Khởi sai Tiết Cử đem người chiêu dụ. Khi Lưu Di đến sau xử trí cũng có tự trái phương pháp mới làm Giao Chỉ vào cướp. Hạ lệnh cho Tri Quế châu Thạch Giám, Quảng Nam tây lộ Chuyển vận phán quan Chu Ốc cùng Thái Dục xét thực đem tâu (ngày 22 Di nghe chỉ. Năm sau (Hi Ninh thứ 9), tháng giêng ngày 9 lại giao Chiêu thảo ty) (13).

"Hy Ninh năm thứ 9, mùa xuân, tháng Giêng, ngày Bính Dần (9 Âm lịch, 16-2-1076), Chiếu cho An Nam Chiêu thảo sứ ty cùng Thạch Giám, Chu Ốc xem xét việc Thẩm Khởi, Lưu Di sinh bày việc biên, đem sự thực tâu lên. Trước có Thủ chiếu cho Trung thư rằng Thẩm Khởi trước ở Quảng Tây truyền bày việc mật của triều đình có ý chỉ Kinh lược đánh Giao Châu. Lại không đợi chiếu, tự tiện ủy biên lại chiếu tiếp Nùng Thiện Mỹ ở Ân Tĩnh châu" (14).

Nhưng cùng trong bộ sách *Tục tư trị thông giám trường biên*, ở một đoạn khác thì lại chép, do có sự tâu báo của Thẩm Khởi cho rằng vùng đất châu Thất Nguyên trước thuộc triều Tống, nên vua Tống đã xuống chiếu cho phép Nùng Thiện Mỹ được nội phụ và còn thăm hỏi rất trọng hậu. Sau đó lại xuống chiếu không đồng ý cho phía triều Lý đưa Thiện Mỹ về Đại Việt xét hỏi.

"Trước đó, Quảng Nam tây lộ sứ là Thẩm Khởi nói rằng: Viên tri châu Ân Tĩnh là Nùng Thiện Mỹ cùng bọn gia thuộc hơn

700 người xin quy thuận đến châu Thất Nguyên. Thần đã khám hội biết Nùng Thiện Mỹ trước vốn người thôn Động thuộc quyền quản hạt châu Thất Nguyên của nội địa. Năm xưa đã bị Giao Chỉ xâm đoạt đổi là châu Ân Tĩnh. Về phủ dịch yêu sách phiến khổ mà xin quy phụ, không nộp đất bị Giao Chỉ giết.

Xướng chiếu cho phép quy thuận và thăm hỏi ưu hậu.

Đến nay, Càn Đức nói về việc này, bèn chiếu cho Quảng Nam tây lộ Kinh lược ty khám hội tư điệp trả lời và ban chiếu cho Càn Đức nói là không thuận (Ban chiếu nói không thuận là theo Giao Chỉ vương truyện)" (15).

"Hi Ninh năm thứ 8, mùa đông, tháng 12, ngày Quý Sửu (25 âm lịch, 2-2-1076),... Khi ấy Giao Chỉ phá thành ấp nào thì làm tờ kể công yết ở đường sá, Nói rằng: vì dân bội phản trốn vào Trung Quốc, được quan lại dung nhận cho trốn, ta sai sứ tố cáo Quế quản, không được trả lời. Lại sai sứ vượt biển tố cáo ở Quảng châu, cũng không trả lời. Cho nên sư binh ta đuổi bắt kẻ phản trốn..." (16).

Các nguyên nhân đánh vào đất Tống của Lý Thường Kiệt đều đã được ghi chép khá đầy đủ trong những sử liệu của triều Tống. Những lý do này không phải do phía triều Lý tự tạo ra mà xuất phát từ chính những mưu đồ và hành động xâm lược của triều Tống đối với Đại Việt.

## 2. Quá trình tấn công vào đất Tống của Lý Thường Kiệt

Vào tháng 10 năm 1075, triều Lý đã cho một đạo quân dân binh tiến đánh thăm dò phản ứng của triều Tống. "Hy Ninh năm thứ 8, tháng 9, ngày Giáp Tuất (15 Âm lịch, 27-10-1075), ngày hôm ấy, giặc Man có hơn 700 người vào cướp ở động Cổ Vạn (xét lời tâu vào tháng 11 ngày 11) (17). Cho đến

hơn 1 tháng sau, triều đình Tống mới được các quan địa phương thông báo sự kiện trên. “Hi Ninh năm thứ 8, mùa đông tháng 10, ngày Bính Thìn (24 Âm lịch, 4-12-1075), Quảng Nam Tây lộ Kinh lược ty nói giặc Man cướp trại Cổ Vạn” (18). Tiếp theo vào tháng 12, triều Lý lại tập trung hương binh các vùng biên giới phía bắc để chuẩn bị tấn công. Biên thần triều Tống thám thính được tin tức vội báo về triều đình “Hi Ninh năm thứ 8, mùa đông tháng 11, ngày Kỷ Tỵ (11 Âm lịch, 21-12-1075), Quảng Tây Kinh lược ty nói: có điệp báo Giao Chỉ, Quảng Nguyên châu tập hợp hương binh muốn mưu vào cướp. Lại nói Cổ Vạn động bị giặc Man đánh cướp” (19). Khi nhận được tin báo, triều Tống lại xuống chiếu: “những người đánh nhau với giặc có công đem tâu lên chóng. Nhà bị cướp và đốt, lượng xem để phủ tuất họ (tháng 9 ngày 15 tức 27-10-1075 có cướp động Cổ Vạn)” (20).

Tám ngày sau khi triều đình Tống nhận được tin hương binh châu Quảng Nguyên tập trung lực lượng chuẩn bị hành động, thì tại vùng biển phía nam, ngày 30-12-1075, Lý Thường Kiệt đã dẫn một đạo quân thủy theo đường từ châu Vĩnh An tấn công vào châu Khâm, và chỉ sau 3 ngày tấn công tiếp vào châu Liêm. “Hi Ninh năm thứ 8, mùa đông, tháng 11, ngày Mậu Dần (20 Âm lịch, 30-12-1075), Giao Chỉ vây hãm Khâm Châu, sau 3 ngày (tức ngày Tân Tỵ 23 Âm lịch 2-1-1076) lại vây hãm Liêm Châu” (21) và cũng phải mất hơn một tháng sau thì triều Tống mới biết tin châu Khâm và châu Liêm đã bị quân triều Lý chiếm mất “(Khâm châu tháng 12 ngày 20 tờ tâu đến, Liêm châu tháng 12 ngày 22 tờ tâu đến)” (22). Cùng lúc đó, các biên thần liên tiếp dâng tâu về triều đình Tống các tin tức liên quan đến cuộc tiến công châu Khâm, châu Liêm: “Hi Ninh năm thứ 8,

mùa đông, tháng 11, ngày Giáp Thân (26 Âm lịch, 5-1-1076), Quảng Nam Tây lộ kinh lược ty tâu rằng: An Nam tĩn hải quân tiết độ sứ có điệp nói 2 châu Khâm, châu Liêm mới có chuyện ngăn trở không cho thông hòa mua bán và chưa cho người lên Kinh dâng cống. Có chiếu cho Lưu Di không được ngăn dứt. Khi ấy An Nam đã vào cướp, (Có chiếu cho Lưu Di không được ngăn chặn An Nam đặt mua là căn cứ theo sử đời vua Thần tông, *Giao Chỉ truyện thực lục* nói mùa đông ấy An Nam vào cướp. Xét ra tháng ấy, ngày 20 đã hãm Khâm châu, sau 3 ngày hãm Liêm châu, nay đổi lại) (23).

“Hi Ninh năm thứ 8, mùa đông, tháng 12 ngày Quý Tỵ (5 Âm lịch, 13-01-1076), Quảng Nam Tây lộ kinh lược ty tâu nói: Giao Chỉ đem thủy sư đóng ở Hồ Dương (24) trấn, mưu dùng hai đường vào cướp, Khâm Liêm đã bị hãm rồi (Tháng 11 ngày 20 hãm Khâm châu, tháng 12 ngày 20 tờ tâu mới đến Liêm châu. Phải là tháng 11 ngày 23 hãm, tháng 12 ngày 22 tờ tâu mới đến) (25).

“Hi Ninh năm thứ 8, mùa đông, tháng 12 (5 Âm lịch, 13-01-1076), Quảng Nam tây lộ Kinh lược ty nói: Giao Chỉ đem thủy sư đóng ở Hồ Dương trấn, mưu dùng hai đường vào cướp Khâm châu, Liêm châu. Ngày 21 (29-01-1076) Giao Chỉ vào cướp, công hãm châu quận, giết và làm bị thương lại, dân. Chiếu cho Quảng Nam lộ Kinh lược ty nói dùng kế sách giữ chặt, đặt An Nam lộ Kinh lược ty, dự định sau khi khống chế được sự kiện này (chỉ việc quân Lý Thường Kiệt tấn công - NHT), sẽ tiến hành đánh phá tận sào huyệt của chúng” (26).

Có thể nói sự tấn công bất ngờ và mạnh mẽ của đội quân do Lý Thường Kiệt lãnh đạo đã giành được thắng lợi nhanh chóng ngay từ trận đầu ra quân.

Sau khi giành được châu Khâm, châu Liêm ở phía nam, kết hợp với đạo quân bộ tại phía bắc cũng đã thu được chiến thắng, khiến cho quân Tống trên các vùng biên tiếp giáp với Đại Việt lâm vào thế lúng túng, bị động. Lý Thường Kiệt chủ động nhằm nêu việc đem quân vào đất Tống của mình là có danh nghĩa (như phần trên bài viết đã trình bày). Tác dụng của việc làm này đã thức tỉnh nhiều người dân biết lương tri lẽ phải của phía Tống. Họ tìm mọi cách công khai giúp đỡ, ủng hộ quân đội triều Lý. Nhữ Bá Sĩ đã chép trong Thần phổ Lý Thường Kiệt: “Dân Tống thấy lời tuyên cáo, đều vui mừng đem trâu rượu khao quân ta. Từ đó, mỗi lúc dân chúng thấy hiệu cờ Thường Kiệt đằng xa, thì nói đó là quân của cha họ Lý người nước Nam; rồi cùng nhau bày hương án bái phục bên đường. Nhờ đó mà uy thanh quân ta lan khắp” (27).

Cùng trong tháng 12 năm 1075, đạo quân do Tôn Dẫn chỉ huy đã phá được 4 trại tại phía bắc gồm có: Thái Bình, Vĩnh Bình, Thiên Lộc và Cổ Vạn. Vào đầu tháng 1 năm 1076, Tôn Dẫn nhân thế thắng, lại đưa quân lên bao vây Ung châu.

Tin tức Khâm châu, Liêm châu bị chiếm liền tiếp báo về, vua quan triều Tống hoang mang, lo sợ, liền tục các chiếu chỉ được ban xuống cho các địa phương biên giới. Vua Tống sợ rằng triều Lý đánh chiếm được Khâm châu, sẽ thừa thế tấn công Quảng Châu, mặt khác cũng biết được hệ thống phòng thủ tại Quảng Tây “đã ít lại yếu”, vì vậy “chỉ cho Quảng Tây kinh lược ty sai các châu quận giữ thành, không được khinh thường ra nghênh chiến” (28). Thậm chí, “nếu châu quận, huyện trấn trại thành quách không hoàn bị, lại binh quân ít yếu, xét có chỗ không thể giữ được, cho quan lại

cứ chỗ hiểm yếu mà giữ”, “sau vua phê tiến phong chỉ huy hạ lệnh Quảng Tây châu quận không đủ sức chống giữ, đều nhờ quan lại hợp đốc dân binh giữ hiểm, bỏ thành cho tùy tiện” (29). Song song với việc ban chiếu đôn đốc việc phòng thủ, triều đình tìm mọi cách tăng cường bổ sung thêm binh lính kể cả thổ đinh, lương thảo, vũ khí, thuốc chữa bệnh cho Quảng Tây.

“Tháng 12, ngày Kỷ Dậu (21 Âm lịch, 29-01-1076), lại có chiếu chỉ 10 vạn quan tiền giám thuộc Quảng Tây đông lộ và tiến nạp trợ giáo 5 vạn quan làm tiền diệp bổ đem ứng cho Tây lộ chuyển vận ty” (30).

“Ngày Kỷ Dậu (21 Âm lịch, 29-01-1076), lại chiếu cho Quảng Nam tây lộ Kinh lược ty tuyển mộ dinh tráng hai, ba nghìn giữ các thành châu Ung Tân, không đủ thì tuyển thổ đinh.

Lại chiếu cho Quảng Nam tây lộ Kinh lược ty sai sứ thần chia các châu quận tuyển phối quân hạng mạnh khỏe, dùng cầm cố thể giữ chức võ đến Quế châu. Cứ 500 người ghép thành 1 chỉ huy giáo duyệt, gọi là Tân Trường (31) hải. Không đủ thì cứ thu quân số ấy, hàng ngày chỉ khẩu phần ăn. Chờ đủ nửa năm luyện tập thì y theo lệ giáo duyệt quân Trưng Hải xin chi cấp, chịu sự giám sát của Kinh lược sứ đã ủy. Nếu làm quá hung ác sơ xử trị nặng ngoài pháp luật” (32).

“Ngày Canh Tuất (22 Âm lịch, 30-01-1076), Chiếu rằng quan lại Quảng Tây đánh với giặc Giao Chỉ mà chết thì Kinh lược ty tìm hỏi nhà họ phủ tuất hơn lên. Nếu ai muốn về Lĩnh bắc, thì tìm người hộ tống.

Lại chiếu rằng Hàn lâm viện quan chọn phương thuốc trị lam chương 57 loại giao xuống cho hợp với môn thuốc cần chế.

Lại chiếu cho Kinh Hồ nam bắc lộ chế tạo 7000 cung nỏ gỗ để cấp cho Quảng Tây (33).

Sau này, do cuộc tấn công của quân đội Lý Thường Kiệt quá mạnh, ảnh hưởng lớn đến triều Tống, nên việc theo dõi vùng đất Quảng Tây được nhà vua quan tâm sát sao hơn, đã từng có chiếu cho các viên quan đầu tỉnh phải tâu báo hàng ngày tình hình vùng biên: “Tháng 12, ngày Nhâm Tý (24 Âm lịch, 1-2-1076), vua phê rằng: Quảng Tây 2 ngày nay không có tâu báo, phải hạ lệnh cho Kinh lược chuyển vận ty hàng ngày đem việc động tĩnh biên cương tâu rõ” (34).

Chủ tướng Lý Thường Kiệt sau khi chiếm xong Khâm châu và Liêm Châu, cũng lập tức đưa đại quân lên phía bắc kết hợp với cánh quân Tôn Dân chỉ huy bao vây Ung châu. Vào giữa tháng 1 năm 1076, cả hai hướng đã hợp quân vây hãm thành Ung châu. Vương An Thạch đã khẳng định với vua Tống Thần tông, khi nghe tin “Giao Chỉ vây Ung châu, Vương An Thạch tâu vua rằng Ung châu thành vững chắc không phá nổi” (35). Mặt khác, tướng giữ thành là Tô Giám (36) “là một người kỳ cựu, lão luyện, thông minh và rất cương quyết” (37). Khi đương chức Tri Ung châu biết được công việc chuẩn bị xâm lược Đại Việt của Lưu Di, Giám từng khuyên ngăn, nhưng Di không nghe còn hặc Giám đã tự tiện tham gia việc biên cương. “Tri Ung châu Tô Giám thám biết là thực, gửi thư đến Di xin bãi thi hành 3 việc như cũ (tức là không tập trung quân thổ định dạy trận đồ, không cho chu sư tiếp tục luyện thủy chiến, cho phép thương nhân, dân chúng phía Lý được vào buôn bán - NHT), không để người Giao đem quân có danh nghĩa. Di không nghe lại gửi công văn hặc Giám là phá nghị. Lại trách sai không được tự tiện nói việc biên” (38). Vì vậy, khi biết quân đội Lý Thường Kiệt bao vây thành, Tô Giám đã “duyet binh trong quận, được sương cầm binh và già yếu 2800 người. Triệu quan lại cùng người tài dũng trong quận trao cho phương

lược để lấy đất bộ phận tự giữ. Dân châu kinh sợ, cứ lùi trốn không thể kể xiết. Giám bỏ hết kho quan và của riêng chỉ thị rằng: Binh giới của ta vốn đủ, lương chứa không thiếu. Nay quân giặc đã vây dưới thành duy là bền thành cố giữ, để đợi ngoại viện, có thể ngồi mà thắng. Nếu một người cắt chân thì lòng quân dao động. Việc lớn hồng trước mắt. Lũ người vui nghe lời ta sẽ được hậu thưởng, hoặc không nghe mà ra, sẽ bị chém cùng vợ con trước. Có viên đại hiệu Dịch Tích ngầm muốn chạy ra, Giám đã sai người mai phục cửa ngoài chặt đầu đem nghiêm lệnh, bởi thế trên dưới bị uy hiếp phải nghe mệnh. Giám lại mộ được mấy trăm người tử thủ đưa thuyền lên Ung giang cùng đánh nhau với giặc, chém được trên 200 đầu, giết được mười mấy con voi to, Giặc bèn vây thành. Giám ngày đêm đi dụ sĩ tốt, đem thân tử cung bắn giặc ngã, voi chết, không thể kể xiết. Giặc đánh cả 4 mặt xông lên tường thành, trên thành bắn tên lửa đốt thang vào thành. Cả trước sau giết được trên 5 nghìn người. Người trong thành lòng thêm vững...” (39). Tô Giám thấy khả năng chống cự lại quân triều Lý không thể kéo dài được, vì vậy vội phái người đến Quế Châu cấp báo cho Lưu Di xin chi viện: “Lưu Di sai Thủ Tiết đi cứu viện. Thủ Tiết nghe giặc đông gấp mười giùng giàng không đi ngay, lại quay về lấy Quý châu lộ trú binh ở trạm Khang Hòa để xem thắng bại, Giám lại sai sứ đem lap thư cáo cấp ở Đê điểm hình ngục Tống Cầu. Cầu nhận được thư sợ khóc. Lấy quyển tiện nghi đốc Thủ Tiết tiến binh. Thủ Tiết sợ vội vàng không biết làm gì chuyển đốn đến Hòa Giáp linh, về giữ Côn Lôn quan (40). Bỗng gặp giặc, không địch nổi một trận, quân thua, Thủ Tiết chết” (41). Trận đánh diệt viện này của quân đội Lý Thường Kiệt diễn ra ngày mồng 4 Âm lịch, tháng giêng, năm Hy Ninh thứ 9 (11-2-1076). Sau trận



diệt viện, Lý Thường Kiệt tăng cường bao vây thành chặt hơn và quyết định hạ thành Ung châu sớm. Sau 42 ngày vây hãm, đến ngày 23 tháng Giêng năm Hy Ninh thứ 9 (1-3-1076), thành Ung châu bị hạ. Thư tịch Trung Quốc chép: "Ngày ấy (23 tháng Giêng, 1-3-1076), giặc Giao Chỉ hãm Ung châu, Tô Giám bị chết, Trương Thủ Tiết thua, giặc bắt sống mấy trăm người. Giặc biết bắc quân đánh thành giỏi, đem mối lợi lớn dù sai làm thang mây (vân thê); làm được thì bị Giám đốt. Lại đánh qua hào động, lấy da sống (súc vật) làm vật che, Giám chờ giặc qua rồi phóng lửa đốt trong hang. Giặc hết kế muốn rút đi, nhưng biết ngoại viện không đến. Gặp có kẻ biết phép thổ công, dạy giặc nhồi đất mấy vạn túi hướng phía thành chặt thành núi đất, khoảng khắc cao lên mấy trượng. Quân giặc treo lên để vào, thành bị vây hãm. Giám còn đem quân bị thương, xông xáo hết sức khổ chiến, nhưng không địch nổi. Giám nói: Vì nghĩa, ta không chết vào tay giặc. Rồi trở về nhà ở châu, mở cửa cho toàn gia 36 người chết trước, đào hố giấu xác, rồi phóng lửa tự thiêu. Giặc đến tìm di hài của Giám và gia quyến đều không được, quay lại giết hại lại tốt, thổ dinh cư dân hơn 5 vạn người. Đồn trăm người thành 1 đồn, tất cả hơn 580 đồn. Gộp với số bị giết ở Khâm, Liêm không dưới hơn 10 vạn người. Sau đó, giặc lại phá hủy thành để lập sống.

Ung châu bị vây tất cả 42 ngày, Giám khích lệ tướng sĩ cố giữ. Lương thực đã hết, gộp năm hạn hán, giếng núi khô cạn, người đói khát mức cả nước đục bẩn mà uống, nhiều người bị bệnh kiết lỵ chết gổ đầu lên nhau mà không có người nào phân. Giám giận Thẩm Khởi và Lưu Di gây nên giặc cướp. Di lại ngồi nhìn thành bị vây mà không cứu. Giám muốn làm bản sơ tâu hết mọi sự tình, nhưng đường đi bị ngáng trở

không thông, Giám làm bảng kể tội Khởi, Di ở chợ mong thông đến triều đình. Trước con của Giám là Tử Nguyên làm Quế châu tư hộ tham quân đem cả gia quyến đến thăm cha, toan về thì nghe có 'giặc Giao. Giám cho rằng gia thuộc quận thú xuất thành, người ta sẽ cho là tránh giặc, dân chúng sẽ cũng có ý bỏ đi, nên chỉ cho Tử Nguyên về Quế châu mà lưu vợ con Tử Nguyên lại, vì thế đều bị chết cả. Giám chết rồi, giặc Giao lại mưu cướp Quế châu, quân tiến phong đi được mấy chục dặm, hoặc trông thấy đại binh từ bắc đến hồ rằng: "Tô hoàng thành đem quân đến báo oán Giao Chỉ". Quân giặc sợ mới lui về. Sau này, người Ung châu lập đền thờ (Tô Giám), hàng năm cầu đảo (Tu Mã ký văn chép: Tháng giêng, ngày 21 giặc phá Ung châu, ngày 23 lại về bản động. Xét Thực lục thì ngày 23 phá Ung châu. Nay theo Thực lục, chỉ không ghi ngày nào về bản động, nên khảo. Xét ngày Giao Chỉ hãm Ung châu *Tống sử* cho là ngày Mậu Thìn; sách *Đông Đô sự lược* cũng chép như thế) (42).

### 3. Nguyên nhân thắng lợi của cuộc tấn công cuối năm 1075 đầu năm 1076

#### *Về phía triều Lý*

- Quân đội triều Lý do Lý Thường Kiệt chỉ huy đã chủ động tấn công, tạo ra yếu tố bất ngờ đối với triều Tống.

- Lực lượng quân đội của Lý Thường Kiệt đông đảo, thiện chiến. Cho đến nay số lượng quân đội tham chiến cũng chưa biết chính xác, các thư tịch Trung Quốc cũng như Việt Nam mới chỉ phỏng đoán khoảng từ 8 vạn (43) đến 10 vạn (44).

- Tranh thủ, tận dụng được sự ủng hộ của nhân dân địa phương tại các vùng hành quân và tại nơi xảy ra chiến trận. Ngay từ khi Lý Thường Kiệt chưa sang đánh Tống, đã có những nho sĩ triều Tống tự nguyện hiến mưu kế và nhận làm nội

ứng. Đó là trường hợp của Tiến sĩ Từ Bá Tường: “Linh Nam Tiến sĩ Từ Bá Tường thường thì không đổ, ngầm gửi thư cho Giao Chỉ rằng, tiền thế của Đại vương vốn người Mân. Nghe nay công khanh quý nhân Giao Chỉ phần nhiều người Mân. Bá Tường tài lược không kém người, mà không dắc dụng ở Trung Quốc, xin được giúp dưới quyền Đại vương. Nay nghe đồn Trung Quốc muốn cử đại binh diệt Giao Chỉ, theo binh pháp làm trước người là có ý đoạt người ta, chi bằng cử binh mà cướp trước, Bá Tường xin làm nội ứng. Bởi thế, Giao Chỉ phát động đại binh mã vào cướp hãm 3 châu Khâm, Liêm, Ung...” (45). Khi công phá thành Ung châu, Lý Thường Kiệt cũng đã nhận được sự giúp đỡ của hàng binh Triệu Tú hiến mưu kế hỏa công và việc dùng đất để đắp thành các ngọn núi đất cũng là phương pháp của dân chúng nước Tống dạy bảo: “Gặp có kẻ biết phép thổ công, may giặc nhổ đất máy vụn túi hướng phía thành chất thành núi đất, khoảnh khắc cao lên mấy trượng. Quân giặc trèo lên để vào, thành bị vây hãm” (46).

#### *Về phía triều Tống*

- Trước hết là mâu thuẫn nội bộ, nhất là giữa Tể tướng An Thạch và với một số viên đại thần trong việc bổ dụng các viên quan biên trấn, trong mưu đồ xâm lược Đại Việt.

- Lực lượng quân sự tại địa phương vùng biên chưa được tổ chức chặt chẽ, rất nhiều thành trại tại Quảng Tây còn sơ sài, binh lính không đủ số, lại chưa được tập luyện

thành thạo, tổ chức kỷ luật không nghiêm.

- Các quan tướng trấn trị vùng biên hờn nhát, không dám chiến đấu, từ viên quan đầu tỉnh như Lưu Di cho đến viên tướng Trương Thủ Tiết khi nghe tin quân đội Lý Thường Kiệt tấn công không dám đối đầu. Thậm chí, khi Tô Giám cầu viện, Lưu Di vẫn ngồi nghe ngóng, không có những hành động cụ thể. Có những viên quan lo sợ phải chiến đấu đã bỏ nhiệm sở trốn đi “Hy Ninh năm thứ 9, tháng giêng, ngày Kỷ Mão (22 Âm lịch, 29-2-1076) có chiếu: gán đây có việc quân ở Quảng Tây mà bản lộ đã đầu trạng nêu người ra sai, mà có người lại tự tiện rời khỏi bản lộ. Sẽ theo điều tự tiện ly quan chờ ngày bình việc (47). Việc bổ sung cho các viên cai trị địa phương vùng biên trong thời gian có chiến tranh cũng gặp nhiều khó khăn, triều Tống từng phải hạ lệnh cưỡng bức, buộc các viên quan phải tiếp tục công việc khi mãn hạn: “Chiếu cho Quảng Nam đông tây lộ, các nơi hiện khuyết Tri châu, nếu không có người muốn đến thì sẽ cưỡng sai, chờ đến thay thế cho giảm 2 năm ma khám, lại bỏ đường quan sai khiến” (48).

*Tóm lại:* Cuộc tấn công vào đất Tống do Lý Thường Kiệt chỉ huy được thư tịch Trung Quốc chép khá đầy đủ, bổ sung thêm nhiều tư liệu, đã phần nào giúp chúng ta phục dựng được nguyên nhân tấn công cũng quá trình diễn biến giành thắng lợi của quân đội triều Lý vào cuối năm 1075 đầu 1076.

### **CHÚ THÍCH**

(1). Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Nxb. Sông Nhị, Hà Nội, 1949. In trong *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, T.II, Tác giả (Phần II: Lịch sử), Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1998.

(2). Hoàng Xuân Hãn. *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, sđd, tr. 348-365.

(3). *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư*, Trung Quốc lịch sử, Bản tu đính 1997, Bắc Kinh, 1998.

- (4). Lý Đào: *Tục tư trị thông giám trường biên*, q.244, tờ 4a, 4b.
- (5). Lý Đào, *add*, q.244, tờ 7b.
- (6). Lý Đào, *add*, q.244, tờ 8b.
- (7). Lý Đào, *add*, q.273, tờ 17a.
- (8). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 6b
- (9). *Tống sử ký sự bản mặt*: Phùng Kỳ nguyên biên, Trần Bang Chiêm toàn tập, Trương Phó luận chính, Thương vụ ấn thư quán, quyển 15, tr. 81.
- (10). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 16b.
- (11). *Tống sử ký sự bản mặt*, Lý Đào, *add*, quyển 15, tr. 81.
- (12). Lý Đào, *add*, q.259, tờ 13b
- (13). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 15a.
- (14). Lý Đào, *add*, q.272, tờ 2b.
- (15). Lý Đào, *add*, q.259, tờ 13b.
- (16). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 16b.
- (17). Lý Đào, *add*, q.268, tờ 13b.
- (18). Lý Đào, *add*, q.269, tờ 23b.
- (19). Lý Đào, *add*, q.270, tờ 2b.
- (20). Lý Đào, *add*, q.270, tờ 2b
- (21), (22), (23). Lý Đào, *add*, q.270, tờ 5a.
- (24). Theo Hoàng Xuân Hãn phải là Triệu Dương châu (tức vùng Vinh An châu, nay là Hải Ninh (Quảng Ninh), sách của Lý Đào đã chép sai thành Hồ Dương vì tự dạng chữ Hồ và chữ Triệu tương tự nhau). Hoàng Xuân Hãn, *add*, tr. 354.
- (25). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 5a
- (26). *Tống hội yếu tập cảo*, Phiên chỉ 4. Dẫn theo: Tiêu Đức Hạo, Hoàng Tranh chủ biên: *Trung Việt biên giới tư liệu tuyển biên*, Thương sách, Xã hội khoa học văn hiến xuất bản xã, Bắc Kinh, 1992, tr. 219.
- (27). Hoàng Xuân Hãn, *add*, tr. 354.
- (28). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 12b
- (29). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 12b, 13a.
- (30). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 13a.
- (31). Sách *Lý Thường Kiệt* chép là Đằng. Hoàng Xuân Hãn, *add*, tr. 355.
- (32). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 13b.
- (33). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 14a.
- (34). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 15b.
- (35). Lý Đào, *add*, q.273, tờ 10a.
- (36). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.1, tr. 278, ngoài cách đọc là Giám, còn có các cách đọc khác là Giàm như trong *Lý Thường Kiệt*, tr. 357, hay đọc là Giam như trong *Việt sử lược*, tr. 110, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, T.1, tr. 353.
- (37). Hoàng Xuân Hãn, *add*, tr.357.
- (38). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 6b, 7a.
- (39). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 7a, 7b.
- (40). Cồn Lớn quan hay cửa ải Cồn Lớn, thuộc huyện Tuyên Hóa, Nam Ninh, Quảng Tây.
- (41). Lý Đào, *add*, q.272, tờ 1a.
- (42). Lý Đào, *add*, q.272, tờ 7b, 8a, 8b.
- (43). Lý Đào, *add*, q.271, tờ 7a, 7b chép: ... Bởi thế người Giao Chỉ đại cử 8 vạn quân hiệu.
- (44). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, T.I, tr.350, *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.I, tr. 278 đều chép: "Vua biết tin, sai Lý Thường Kiệt, Tôn Dẫn đem hơn 10 vạn binh đi đánh", Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
- (45). Lý Đào, *add*, q.273, tờ 17a, 17b.
- (46). Lý Đào, *add*, q.272, tờ 7b.
- (47). Lý Đào, *add*, q.272, tờ 6b.
- (48). Lý Đào, *add*, q.272, tờ 7b.